

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 196/2019/DS-PT

Ngày: 28/6/2019

V/v tranh chấp Hợp đồng dân sự vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Vạng

Ông Nguyễn Tấn Tạng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Bình Thành - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 28 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 286/2019/TLPT-DS ngày 28 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2019/DS-ST ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố S bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 240/2019/QĐ-PT ngày 06 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Anh Phạm Phú C, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Số A, đường T, Khóm 2, Phường 1, Tp. S, Đồng Tháp.

1.2. Chị Hồ Thị Khánh T, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Số B, đường T, khóm T, phường A, Tp. S, Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Huỳnh L, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Số C, ấp P, xã T, Tp. S, Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Công ty H.

Địa chỉ: Khu công nghiệp S, phường A, Tp. S, Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật của công ty: Bà Đ, sinh năm 1959, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1959.
Địa chỉ: Số D, đường T, Phường 1, Tp. S, Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo: Công ty H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Anh Phạm Phú C, chị Hồ Thị Khánh T cùng ủy quyền cho chị Huỳnh L trình bày :

Do mối quan hệ quen biết nên anh C, chị T thỏa T cho Công ty trách nhiệm hữu hạn H (sau đây viết tắt là Công ty TNHH H, gọi tắt là công ty H) đại diện theo pháp luật là bà Đ vay tiền các lần cụ thể như sau:

- Ngày 08/02/2018: Anh C chuyển khoản số tiền 500.000.000 đồng vào số tài khoản 222093739 của Công ty H tại Ngân hàng ACB Chi nhánh Đồng Tháp (có giấy nộp tiền ngày 08/02/2018).

- Ngày 07/3/2018: Chị T chuyển khoản số tiền 1.300.000.000 đồng vào số tài khoản 222093739 của Công ty H tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh S (có giấy nộp tiền ngày 07/3/2018).

Các lần vay trên đều không có làm biên nhận, thỏa T miệng lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay vài tháng (không nói rõ bao nhiêu tháng), không thế chấp tài sản, mục đích vay để Công ty kinh doanh. Sau hai lần vay thì Công ty H không có trả vốn, lãi lần nào, vì giữa anh C, chị T với Công ty thỏa T miệng khi trả vốn thì trả lãi.

Nguyên nhân giữa hai bên không làm biên nhận vay vì giữa anh C, chị T với bà Đ (giám đốc công ty H) có mối quan hệ là lối xóm, hơn nữa việc chuyển tiền vào tài khoản của công ty có chứng từ giao dịch nên anh C, chị T nghĩ không cần làm biên nhận.

Đối với ý kiến công ty H cho rằng số tiền 1.300.000.000 đồng đã trả lại cho anh C, anh C xác định không có nhận tiền của Công ty H và ngoài giao dịch vay tiền thì giữa anh C, chị T với công ty H không có giao dịch gì khác.

Vấn đề ông S đại diện cho Công ty H nhận số tiền 1.300.000.000 đồng của anh C theo các biên nhận ngày 10/02/2018, ngày 13/02/2018 và 100.000.000 đồng không có giấy tờ biên nhận thì anh C, chị T không yêu cầu tranh chấp trong vụ án này.

Nay anh C, chị T yêu cầu Công ty TNHH H trả số tiền vốn 1.800.000.000đ và lãi 0,83%/tháng cụ thể:

- Số tiền 500.000.000 đồng tạm tính từ ngày 08/02/2018 đến ngày 04/4/2019 là 13 tháng 27 ngày được tính như sau: 500.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 13 tháng 27 ngày = 57.685.000 đồng.

- Số tiền 1.300.000.000 đồng tạm tính từ ngày 07/3/2018 đến ngày 04/4/2019 là 12 tháng 28 ngày được tính như sau: 1,3 tỷ đồng x 0,83%/tháng x 12 tháng 28 ngày = 139.550.666 đồng. Tổng cộng vốn, lãi: 1.997.235.000 đồng (làm tròn số).

- Ông Nguyễn Thanh S là người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH H trình bày:

Công ty H hoàn toàn không có thỏa T vay tiền của anh C, chị T. Tuy nhiên, theo sổ sách kế toán của công ty có thể hiện công ty H có nhận của anh C số tiền 1.800.000.000 đồng cụ thể:

- Số tiền 500.000.000 đồng anh C chuyển vào tài khoản của Công ty H vào ngày 08/02/2018 là Công ty nhận của anh C để anh C góp vốn thành lập Công ty T C (để đổi tên Công ty H thành công ty TNHH T C) hoặc là tiền mua bán.

- Số tiền 1.300.000.000 đồng chị T chuyển vào tài khoản của Công ty H vào ngày 07/3/2018 để làm gì thì công ty không rõ. Sau đó, khoảng 16h ngày 10/3/2018 anh C đến Công ty H gặp ông Nguyễn Thanh S (Phó giám đốc công ty H) nhận lại số tiền 1.300.000.000 đồng. Việc ông S giao 1.300.000.000 đồng lại cho anh C không làm biên nhận nhưng có anh Lê – Phòng hành chính tổ chức của Công ty và anh Nguyễn cùng chứng kiến (anh Nguyễn là người trực tiếp đến Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Sa Đéc rút 200.000.000 đồng và Ngân hàng TMCP Á Châu Đồng Tháp – Phòng giao dịch S rút 1.100.000.000 đồng để trả cho anh C).

Đối với việc thỏa T góp vốn thành lập Công ty TNHH T C giữa Công ty H với anh C chỉ là thỏa T miệng. Sau đó Sở kế hoạch đầu tư Đồng Tháp chuyển hướng dẫn về Điều lệ thành lập công ty T C qua mail cho công ty H in ra đưa cho anh C 02 quyển để ký tên nhưng anh C không đồng ý ký tên. Do đó, việc thỏa T thành lập công ty T C không thành và số tiền 500.000.000 đồng Công ty H đã sử dụng vào việc sửa chữa máy móc thiết bị của Công ty H.

Công ty TNHH H Đồng Tháp không đồng ý theo yêu cầu của anh C, chị T. Vì số tiền 1.300.000.000 đồng công ty H đã trả lại cho anh C, còn 500.000.000 đồng thì anh C góp vốn thành lập công ty T C và số tiền 500.000.000 đồng này đã sử dụng vào việc sửa chữa thiết bị máy móc công ty H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2019/DS-ST ngày 04/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố S đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Phú C, chị Hồ Thị Khánh T.

Buộc công ty TNHH H trả cho anh Phạm Phú C, chị Hồ Thị Khánh T số tiền 1.800.000.000 đồng và lãi 197.235.000 đồng. Tổng cộng vốn, lãi là 1.997.235.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí:

- Công ty TNHH H nộp 71.917.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Phạm Phú C, chị Hồ Thị Khánh T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003621 ngày 15/01/2019, biên lai số 0009466 ngày 14/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố S .

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/4/2019, Công ty H có đơn kháng cáo yêu cầu sửa một phần bản án số 14/2019/DS-ST ngày 04/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Thừa nhận số tiền 1.800.000.000 đồng anh C, chị T nộp vào công ty TNHH H là để góp vốn thành lập công ty TNHH T C, không phải tiền vay và không đồng ý trả tiền lãi 197.235.000 đồng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn anh Phạm Phú C, chị Hồ Thị Khánh T cùng ủy quyền cho chị Huỳnh L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

+ Bị đơn ông Nguyễn Thanh S, đại diện theo ủy quyền của Công ty H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không đồng ý trả tiền lãi suất 197.235.000 đồng, ông S cho rằng, công ty H có nhận số tiền 1.800.000.000 đồng của anh C, chị T, nhưng số tiền 500.000.000 đồng là anh C góp vốn thành lập công ty TNHH T C, công ty đã sử dụng vào việc sửa chữa máy móc cho công ty, không phải là tiền vay, còn 1.300.000.000 đồng là tiền mượn để đáo hạn ngân hàng nên Công ty không chấp nhận trả lãi suất cho nguyên đơn.

+ Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Công ty H thừa nhận có nhận 1.800.000.000 đồng của anh C và chị T. Ông S (đại diện theo ủy quyền của công ty H) cho rằng anh C, chị T góp vốn, nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh. Trong khi đó, công ty đã sử dụng 500.000.000 đồng để sửa chữa máy móc cho công ty và sử dụng 1.300.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng. Như vậy, công ty đã sử dụng vào mục đích hoạt động của công ty nên công ty phải có trách nhiệm trả lãi suất cho nguyên đơn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét thấy, vào ngày 08/02/2018 và ngày 07/3/2018, anh C, chị T có chuyển khoản cho công ty H 1.800.000.000 đồng, việc này được công ty H thừa nhận.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của công ty H cho rằng số tiền 1.800.000.000 đồng mà công ty H đã nhận là số tiền nguyên đơn hùn vốn với công ty để thành lập Công ty T C, do đó công ty H không đồng ý trả tiền lãi cho nguyên đơn. Xét thấy, tại phiên tòa, ông S là đại diện theo ủy quyền của công ty H thừa nhận, công ty H có nhận 1.800.000.000 đồng của anh C, chị T, trong đó số tiền 1.300.000.000 đồng nhận của anh C, chị T là tiền mượn để công ty H đáo hạn ngân hàng, còn 500.000.000 đồng là anh C, chị T hùn vốn. Đối với nguyên đơn không thừa nhận có hùn vốn với công ty H để thành lập Công ty T C. Đối với công ty H không xuất trình được giấy tờ, tài liệu hay chứng cứ gì khác để chứng minh có việc nguyên đơn hùn vốn với công ty H số tiền 500.000.000 đồng. Trong khi đó, công ty H đã sử dụng 500.000.000 đồng để sửa chữa máy móc thiết bị của công ty H, còn 1.300.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc công ty H trả tiền lãi suất cho nguyên đơn là đúng theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của công ty H.

[3] Xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố S do Công ty H thừa nhận đã sử dụng 500.000.000 đồng để sửa chữa máy móc cho công ty và sử dụng 1.300.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng. Như vậy, công ty đã sử dụng vào mục đích hoạt động của công ty nên công ty phải có trách nhiệm trả lãi suất cho nguyên đơn. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Xét bản án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ và đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên công ty H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH H.
- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2019/DS-ST ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố S.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Phú C, chị Hồ Thị Khánh T.

2. Buộc công ty TNHH trả cho anh Phạm Phú C, chị Hồ Thị Khánh T số tiền 1.800.000.000 đồng và lãi 197.235.000 đồng. Tổng cộng vốn, lãi là 1.997.235.000 đồng (một tỷ chín trăm chín mươi bảy triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí:

- Công ty TNHH H nộp 71.917.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Anh Phạm Phú C, chị Hồ Thị Khánh T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003621 ngày 15/01/2019 và biên lai số 0009466 ngày 14/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố S.
- Công ty TNHH H nộp 300.000 đồng án phí phúc thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0009560 ngày 22/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S. Công ty TNHH H không phải nộp thêm án phí phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh ĐT;
- Phòng KTNV - THA TA Tỉnh;
- VP TA Tỉnh;
- Tòa án nhân dân TP. S;
- Chi Cục THA DS TP. S;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ VA (H).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh